

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/2022/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm

Dự thảo 8 (ngày 19/9/2021)

**LUẬT
ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Điện ảnh.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động điện ảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh; quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam và ở nước ngoài.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam.
- Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Điện ảnh* là ngành nghệ thuật sáng tạo, áp dụng công nghệ nghe nhìn và các thủ pháp nghệ thuật để sản xuất phim.
- Phim* là tác phẩm nghệ thuật gồm phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình có nội dung, được biểu hiện bằng những hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do máy tính tạo ra; có hoặc không có âm thanh và các hiệu ứng khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh; được ghi trên các chất liệu hoặc phương tiện kỹ thuật số và phổ biến đến khán giả bằng các hình thức khác nhau.

Phim không bao gồm:

- a) Sản phẩm ghi hình nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- b) Sản phẩm ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;
- c) Sản phẩm ghi hình được dàn dựng về một sự kiện cho những người tham gia hoặc những người liên quan;
- d) Sản phẩm ghi hình không có kịch bản, mô tả các sự kiện thực tế, người hoặc tình huống hoặc là chương trình thực tế.

3. *Hoạt động điện ảnh* bao gồm sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh, lưu chiếu, lưu trữ phim, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động khác liên quan.

4. *Công nghiệp điện ảnh* là hoạt động điện ảnh nhằm tạo ra các giá trị văn hóa nghệ thuật, kinh tế và thị trường điện ảnh.

5. *Cơ sở điện ảnh* là đơn vị do tổ chức, cá nhân thành lập, thực hiện các hoạt động điện ảnh theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Cơ sở điện ảnh bao gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác.

6. *Sản xuất phim* là việc tạo ra một bộ phim từ kịch bản đến khi hoàn thành.

7. *Phát hành phim* là việc trao đổi, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim.

8. *Phổ biến phim* là việc đưa phim đến người xem thông qua các hình thức chiếu phim trong hệ thống rạp chiếu phim, tại các địa điểm được quy định, trên hệ thống truyền hình, không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn khác.

9. *Phân loại phim* là việc thẩm định, xếp loại phim theo nội dung để phổ biến phù hợp với độ tuổi người xem hoặc không được phép phổ biến.

10. *Kịch bản phim* là hình thức thể hiện toàn bộ nội dung phim dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác trên các chất liệu hoặc phương tiện kỹ thuật khác nhau.

11. *Chủ sở hữu phim* là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất, kỹ thuật để sản xuất phim, mua quyền sở hữu phim hoặc được tặng cho, thừa kế quyền sở hữu phim và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

12. *Phim Việt Nam* là phim đã được phép phổ biến tại Việt Nam theo quy định của Luật này và có hai trong ba yếu tố sau: đạo diễn có quốc tịch Việt Nam, ngôn ngữ chủ yếu trong phim là tiếng Việt, có ít nhất một cơ sở điện ảnh Việt Nam tham gia sản xuất phim. Trong trường hợp khác, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

13. *Cung cấp dịch vụ sản xuất phim* là hoạt động cung cấp phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, bối cảnh, nhân lực và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất phim.

14. *Trường quay* là nơi để thực hiện những cảnh quay đáp ứng những điều kiện về không gian, thiết bị kỹ thuật để dựng bối cảnh phù hợp với việc sản xuất phim; bao gồm trường quay trong nhà và trường quay ngoài trời.

15. *Địa điểm chiếu phim công cộng* là nhà hát, nhà văn hóa, nhà triển lãm, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, các cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú, các cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, vũ trường, cửa hàng, cửa hiệu, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, quảng trường, phương tiện vận tải hành khách công cộng và các phương tiện, địa điểm khác có tổ chức chiếu phim.

16. *Không gian mạng* là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu.

Điều 4. Nguyên tắc của hoạt động điện ảnh

1. Xây dựng nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của nhân dân.

2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo đảm tính nhân văn, thẩm mỹ và giải trí.

3. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do sáng tạo trong khuôn khổ của pháp luật, bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

4. Bảo đảm sự bình đẳng, cạnh tranh công bằng của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động điện ảnh và phát triển công nghiệp điện ảnh.

5. Việc hỗ trợ phát triển công nghiệp điện ảnh phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Nguồn đầu tư và hỗ trợ của Nhà nước và các nguồn khác cho điện ảnh phải được sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh

1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau:

a) Sản xuất phim thực hiện theo kế hoạch phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước về đề tài lịch sử, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc, chiến tranh cách mạng, thiếu nhi, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề của cuộc sống đương đại;

b) Nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao để tuyên truyền, nghiên cứu, lưu trữ và phục vụ nhiệm vụ chính trị; biên tập, dịch, làm phụ đề phim để phục vụ hoạt động quảng bá điện ảnh và du lịch Việt Nam;

c) Phát hành, phổ biến phim, cung cấp kinh phí tổ chức, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật chiếu phim phục vụ vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; phục vụ thiếu nhi, lực lượng vũ trang và các phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, giáo dục khác;

d) Đầu tư xây dựng trường quay hiện đại với công nghệ cao đáp ứng sự phát triển kỹ thuật số.

đ) Tổ chức Liên hoan phim Việt Nam, một số liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng và cuộc thi phim cấp quốc gia; liên hoan phim, chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài;

e) Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh.

2. Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau:

a) Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất, phát hành, phổ biến, lưu chiếu và lưu trữ phim;

b) Tổ chức liên hoan, giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế;

c) Phát triển hoạt động lý luận, phê bình điện ảnh; tuyên truyền, giới thiệu, định hướng thẩm mỹ điện ảnh;

d) Sản xuất, phát hành, phổ biến phim góp phần giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các hoạt động sau đây:

a) Sản xuất, phát hành và phổ biến phim; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật số;

b) Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh;

c) Tài trợ, hiến tặng cho hoạt động điện ảnh và Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm b và điểm e khoản 1 Điều này.

Điều 6. Phát triển công nghiệp điện ảnh

Nhà nước phát triển công nghiệp điện ảnh theo các chính sách quy định tại Điều 5 Luật này và các biện pháp sau đây:

1. Bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường và hỗ trợ khởi nghiệp cho các doanh nghiệp điện ảnh.
2. Phát triển thị trường điện ảnh trong nước gắn với các sản phẩm, dịch vụ điện ảnh phụ trợ đi kèm và các ngành kinh tế khác.
3. Chủ động hội nhập thị trường điện ảnh khu vực và thế giới; đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng giao lưu, quảng bá phim với các nước trong khu vực và trên thế giới.
4. Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với phim; xây dựng và quảng bá thương hiệu quốc gia về điện ảnh.
5. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê và cơ sở dữ liệu ngành công nghiệp điện ảnh.
6. Tạo cơ sở hạ tầng cho ngành công nghiệp điện ảnh kỹ thuật số, phát triển và tiêu chuẩn hóa công nghệ phim.
7. Khuyến khích phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm và các sản phẩm bảo hiểm cần thiết cho hoạt động điện ảnh.

Điều 7. Đào tạo nguồn nhân lực

1. Nhà nước đầu tư đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trong nước và nước ngoài nhằm phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp điện ảnh.
2. Thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng giảng viên; chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao, đầu ngành trong cơ sở đào tạo điện ảnh.
3. Ưu tiên đầu tư xây dựng, phát triển một số cơ sở đào tạo, ngành đào tạo điện ảnh đạt chuẩn quốc tế.
4. Ưu tiên đối với người được hưởng chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện bình đẳng giới trong đào tạo điện ảnh.
5. Khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế giữa cơ sở đào tạo điện ảnh với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.
6. Thực hiện xã hội hóa đào tạo điện ảnh, khuyến khích các cơ sở đào tạo trong và ngoài công lập đào tạo điện ảnh.
7. Căn cứ định hướng, chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực ngành văn hóa nghệ thuật trong từng thời kỳ, nguồn kinh phí, đề xuất của các cơ quan, tổ chức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây

dựng và tổ chức triển khai kế hoạch bồi dưỡng nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến cho các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực điện ảnh.

Điều 8. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh

1. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia ý kiến xây dựng, phổ biến, giáo dục việc thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách về điện ảnh;

c) Tham gia xúc tiến, quảng bá, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điện ảnh; tham gia xây dựng môi trường hoạt động nghề nghiệp và kinh doanh lành mạnh cho các hội viên; huy động các nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức triển khai việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; vận động hội viên, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh thực hiện đúng quy định của pháp luật;

đ) Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh.

Điều 9. Đầu tư nước ngoài trong hoạt động sản xuất, phát hành, phổ biến phim

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được quyền hợp tác đầu tư với cơ sở điện ảnh sản xuất, phát hành, phổ biến phim của Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư dưới hình thức:

a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51% vốn điều lệ;

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Nhà văn hóa, các tụ điểm chiếu phim, câu lạc bộ và hiệp hội chiếu phim công cộng, các đội chiếu phim lưu động hoặc chủ sở hữu, người điều hành các điểm chiếu phim công cộng của Việt Nam không được phép tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hay liên doanh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Nghiêm cấm các hoạt động điện ảnh có nội dung sau đây:

a) Vi phạm các nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp, pháp luật; kích động chống đối hoặc phá hoại việc thi hành Hiến pháp, luật hoặc các quy định hành chính;

b) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; làm tổn hại đến các giá trị văn hóa, lợi ích quốc gia, dân tộc Việt Nam; xúc phạm quốc kỳ, Đảng kỳ, quốc huy, quốc ca;

c) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù, kì thị giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng phản động, tệ nạn xã hội; phá hoại truyền thống văn hóa, đạo đức xã hội và tôn giáo;

d) Ủng hộ chủ nghĩa khủng bố hoặc chủ nghĩa cực đoan;

đ) Kích động, phá hoại chính sách tôn giáo quốc gia;

e) Tiết lộ bí mật nhà nước, gây nguy hiểm cho an ninh quốc gia, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật;

g) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

h) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết cách thức thực hiện, hình ảnh, âm thanh, lời thoại cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trái với truyền thống yêu hoà bình và nhân ái của dân tộc; trù trừ hợp nội dung nhằm phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa;

i) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại dâm ô, truy lạc, loạn luân;

k) Mê tín dị đoan, trái với tự nhiên, gây tác động xấu về nhận thức;

l) Vi phạm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của trẻ em, người chưa thành niên hoặc gây tổn hại đến sức khỏe, thể chất của trẻ em, người chưa thành niên;

m) Vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới theo quy định của pháp luật;

n) Các nội dung bị cấm bởi Luật và các quy định hành chính khác.

2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Phát hành, phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và nơi công cộng mà không có Giấy phép phân loại phim của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh (sau đây gọi là Giấy phép phân loại phim) hoặc được biên tập, cấp Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (sau đây gọi là Quyết định phát sóng);

b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

c) Phát hành, phổ biến phim không tuân thủ các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

đ) Không thông báo hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 23 Luật này.

Chương II

SẢN XUẤT PHIM

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh sản xuất phim:

a) Sản xuất, hợp tác sản xuất phim; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

b) Tham gia sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước;

c) Tham gia các liên hoan phim; giải thưởng và cuộc thi phim; chương trình phim, tuần phim theo quy định của Luật này;

d) Phát hành phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng do mình là chủ sở hữu.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim:

a) Thực hiện đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;

b) Chịu trách nhiệm về nội dung phim do mình sản xuất và hợp tác sản xuất;

c) Thực hiện Quyết định cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; nội dung văn bản thẩm định kịch bản đối với phim sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước;

d) Tuân thủ pháp luật và các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, di sản văn hóa, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất phim.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và các thành viên khác trong đoàn làm phim

1. Quyền của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và các thành viên khác trong đoàn làm phim:

- a) Quyền sáng tạo nghệ thuật trong khuôn khổ của pháp luật;
- b) Hưởng quyền tác giả và quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- c) Quyền lựa chọn tham gia dự án phim;
- d) Được bảo vệ khi các quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm;

2. Nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và các thành viên khác trong đoàn làm phim:

- a) Tuân thủ quy định tại Điều 10 Luật này;
- b) Thực hiện hợp đồng với cơ sở sản xuất phim trên cơ sở thỏa thuận và không trái với quy định của pháp luật;
- c) Sáng tạo nghệ thuật theo đúng chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử và quy định của pháp luật, tôn trọng đạo đức xã hội, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

Điều 13. Trường quay

1. Trường quay nằm trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, được tổ chức để thực hiện các hoạt động sau:

- a) Tổ chức quản lý, điều hành hoặc hợp tác liên doanh, liên kết sản xuất phim, cung cấp các dịch vụ làm phim, kỹ thuật, bối cảnh, đạo cụ, phục trang;
- b) Tổ chức sự kiện, các hoạt động tham quan, du lịch về điện ảnh tại trường quay và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trường quay hiện đại để hình thành tổ hợp kỹ thuật công nghệ cao cung cấp dịch vụ sản xuất phim gắn với hoạt động giải trí và du lịch.

Điều 14. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Điều kiện tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam:

- a) Có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ với cơ sở điện ảnh của Việt Nam;
- b) Các phim đã sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam không vi phạm Điều 10 Luật này đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài đã từng sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam.

2. Cơ sở điện ảnh của Việt Nam chỉ được cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Kịch bản phim bằng tiếng Việt;

c) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim giữa các bên.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp kịch bản phải sửa chữa do vi phạm Điều 10 Luật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam hoặc phải bổ sung thông tin, sửa chữa nội dung kịch bản, thời hạn cấp Giấy phép được tính từ ngày nhận được kịch bản đã bổ sung thông tin, sửa chữa nội dung.

4. Chính quyền địa phương có trách nhiệm giám sát việc thực hiện dự án sản xuất phim tại địa phương theo văn bản thẩm định kịch bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 15. Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước

1. Đề tài sản xuất phim thực hiện theo kế hoạch phục vụ nhiệm vụ chính trị sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật này.

2. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện quy trình lựa chọn dự án sản xuất phim theo quy định của Chính phủ và thành lập Hội đồng thẩm định kịch bản, Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Việc sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo hình thức:

- **Phương án 1:** Giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng (đối với phim có nội dung, đề tài phục vụ nhiệm vụ chính trị).

- **Phương án 2:** Giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng hoặc đấu thầu (như phương án 1 và đối với phim có các nội dung khác để giải trí).

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và 4 Điều này.

Chương III

PHÁT HÀNH PHIM

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phát hành phim:

- a) Thực hiện phát hành phim tại Việt Nam và nước ngoài;
- b) Trao đổi phim, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim để phát hành phim.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim:

- a) Thực hiện phát hành phim theo đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
- b) Bảo đảm phim phát hành tuân thủ các quy định về Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Chịu trách nhiệm về nội dung phim phát hành.

Điều 17. Trao đổi, bán, cho thuê phim

Tổ chức, cá nhân chỉ được trao đổi, bán, cho thuê phim đã được phép phổ biến theo quy định của Luật này, Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

Điều 18. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim

1. Phim xuất khẩu phải có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

2. Phim nhập khẩu phải bảo đảm không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 16 và các quy định về phổ biến phim của Luật này khi thực hiện hoạt động phổ biến phim.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở nhập khẩu phim:

a) Khi làm thủ tục nhập khẩu phim phải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim không vi phạm khoản 1 Điều 10 của Luật này;

b) Khi phổ biến phim phải thực hiện theo quy định tại Chương IV của Luật này;

c) Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng phim đối với phim nhập khẩu nhằm mục đích nghiên cứu, giáo dục, lưu trữ và lưu hành nội bộ.

Chương IV

PHỔ BIẾN PHIM

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phổ biến phim:
 - a) Phổ biến phim theo đăng ký kinh doanh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
 - b) Thực hiện quảng cáo về phim và các dịch vụ khác phục vụ người xem phim theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim:
 - a) Chỉ được phổ biến phim có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 Luật này;
 - b) Bảo đảm các điều kiện để phổ biến phim đối với từng hình thức phổ biến;
 - c) Thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - d) Dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - đ) Thực hiện đúng với nội dung đã thông báo; nội dung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của Luật này.

Điều 20. Phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - b) Phổ biến phim theo đăng ký kinh doanh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
 - c) Có rạp chiếu phim bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật này và các quy định sau đây:
 - a) Bảo đảm tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và giờ chiếu phim cho trẻ em;
 - b) Bảo đảm người xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim;

c) Người cao tuổi được giảm ít nhất 20% giá vé xem phim khi trực tiếp sử dụng dịch vụ tại rạp chiếu phim;

d) Người khuyết tật đặc biệt nặng được miễn giá vé; người khuyết tật nặng được giảm tối thiểu 50% giá vé xem phim khi trực tiếp sử dụng dịch vụ tại rạp chiếu phim;

đ) Thực hiện kết nối dữ liệu, chế độ báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khuyến khích các cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim phổ biến các đoạn phim tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 21. Phổ biến phim trên hệ thống truyền hình

1. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí được phép phổ biến phim trên hệ thống truyền hình.

2. Cơ quan báo chí quy định tại khoản 1 Điều này phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật này và các quy định sau đây:

a) Có Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam hoặc biên tập đối với phim phổ biến trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu;

b) Bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và giờ phát sóng phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ.

3. Việc cấp và thu hồi Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam do người đứng đầu cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình quyết định.

Điều 22. Phổ biến phim trên không gian mạng

1. Tổ chức, cá nhân phổ biến phim trên không gian mạng phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật này và các quy định sau đây:

a) Không vi phạm quy định tại Điều 10 và điểm b khoản 2 Điều 16 Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân phổ biến phim trên không gian mạng:

Phải tự phân loại, hiển thị kết quả phân loại phim theo quy định tại Điều 33 Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân loại phim.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra, xử lý việc tự phân loại phim phổ biến trên không gian mạng theo quy định của pháp luật;

c) Không thay đổi nội dung và kết quả phân loại đối với phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

d) Gỡ bỏ phim vi phạm Điều 10 và điểm b khoản 2 Điều 16 Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Cung cấp công cụ xử lý vi phạm cho cơ quan quản lý nhà nước; Dừng cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi doanh nghiệp cung cấp nội dung phim vi phạm theo quy định của Luật này;

e) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất nội dung phim phổ biến trên không gian mạng; phối hợp với cơ quan quản lý về thông tin và truyền thông xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hạ tầng trên không gian mạng có trách nhiệm quản lý, gỡ bỏ phim vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm đưa các phim Việt Nam sản xuất lên hệ thống phổ biến phim của mình.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động phổ biến phim trên không gian mạng phải thực hiện quy định của Luật này, pháp luật về an ninh mạng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phổ biến phim trên không gian mạng vào Việt Nam phải bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật này, khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này và cung cấp đầu mối liên hệ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều này.

Điều 23. Phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng

1. Tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật này và các quy định sau đây:

a) Bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Phải thông báo bằng văn bản theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về nội dung chương trình chiếu phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương trong thời hạn 10 ngày làm việc trước ngày thực hiện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nhận được thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức được thực hiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tại địa phương không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Đối với các tổ chức thường xuyên phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng, phải cung cấp danh mục phim chiếu, khi có thay đổi phim chiếu phải thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức đăng ký kinh doanh.

2. Chủ địa điểm chiếu phim công cộng có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động kinh doanh, điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Dừng hoặc thay đổi thời gian, quy mô chiếu phim công cộng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích các tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phổ biến các đoạn phim tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu.

Điều 24. Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn

1. Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn là hoạt động thường xuyên hàng năm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định và đầu tư thiết bị chiếu phim và phương tiện vận chuyển.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí tổ chức buổi chiếu phim ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm tối thiểu 50% chi phí tổ chức buổi chiếu phim ở các vùng nông thôn.

3. Khuyến khích các cơ sở điện ảnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp phim để phổ biến phim ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn.

Điều 25. Phổ biến phim tại trụ sở của cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Việc phổ biến phim tại trụ sở của cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cho đối tượng không phải là cán bộ, nhân viên của tổ chức đó phải bảo đảm quy định sau đây:

1. Thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 và Điều 23 Luật này.

Điều 26. Quảng cáo về phim

Việc quảng cáo về phim được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân được quảng cáo về phim thông qua đoạn giới thiệu phim hoặc các thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất, phát hành và phổ biến phim theo quy định của pháp luật về quảng cáo và không được vi phạm quy định tại Điều 10 Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân không được chiếu toàn bộ nội dung phim để quảng cáo khi chưa có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng hoặc Quyết định phân loại phim.

Điều 27. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim

Việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 28. Cấp Giấy phép phân loại phim

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phân loại phim trong hệ thống rạp chiếu phim và địa điểm chiếu phim công cộng.

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phân loại phim đối với:

a) Phim truyện nhập khẩu;

b) Phim sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp giao nhiệm vụ, đặt hàng (và đấu thầu nếu theo phương án 2 Điều 15);

c) Phim do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ; phim do tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sản xuất, hợp tác sản xuất.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phân loại phim đối với:

a) Phim Việt Nam do cơ sở điện ảnh của địa phương sản xuất;

b) Phim do địa phương giao nhiệm vụ, đặt hàng (và đấu thầu nếu theo phương án 2 Điều 15);

c) Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh của địa phương nhập khẩu.

3. Giấy phép phân loại phim do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp có giá trị ngang nhau.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của phim;

c) Bản phim hoàn chỉnh;

d) Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.

5. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp không cấp phải có văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp phim phải điều chỉnh hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thời hạn cấp Giấy phép phân loại phim được tính từ ngày nhận được bản phim đã điều chỉnh nội dung hoặc thông tin đã được bổ sung.

Điều 29. Thay đổi nội dung phim và các thông tin khác trong Giấy phép phân loại phim

1. Trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định tại Điều 28 Luật này.

2. Trường hợp thay đổi tên phim hoặc thời hạn chiếu phim mà không thay đổi nội dung đã được cấp Giấy phép phân loại phim thì tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu không đồng ý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 30. Thu hồi Giấy phép phân loại phim

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 Luật này quyết định việc thu hồi Giấy phép phân loại phim trong những trường hợp sau:

a) Giấy phép phân loại phim được cấp không đúng quy định;

b) Cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai phạm trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim.

2. Việc thu hồi Giấy phép phân loại phim thực hiện như sau:

- a) Quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim phải ghi rõ lý do thu hồi;
- b) Cơ sở phát hành phim, phổ biến phim có trách nhiệm khắc phục vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này và đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định Điều 28 Luật này trước khi tiếp tục phổ biến.

Điều 31. Dừng phổ biến phim theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu dừng hoạt động phổ biến phim bằng văn bản đối với một trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này;
- b) Không thông báo hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của Luật này;
- c) Vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền dừng phổ biến phim là cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim, cơ quan tiếp nhận thông báo hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cơ quan Thanh tra theo quy định của Chính phủ.

3. Văn bản yêu cầu dừng phổ biến phim phải nêu rõ lý do, thời điểm dừng. Trường hợp tiếp tục thực hiện phổ biến phim, tổ chức, cá nhân có văn bản đề xuất phương án tiếp tục gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện.

5. Tổ chức, cá nhân bị dừng phổ biến phim phải công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bị dừng phổ biến phim và chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Hội đồng thẩm định và phân loại phim

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim được quy định như sau:

- a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của tỉnh;
- c) Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của cơ quan, tổ chức.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định và phân loại phim do người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thành phần của Hội đồng gồm các nhà chuyên môn điện ảnh, chuyên gia, nhà quản lý thuộc các lĩnh vực liên quan; trong đó ít nhất 2/3 là các nhà chuyên môn điện ảnh.

3. Hội đồng thẩm định và phân loại phim có trách nhiệm tư vấn cho cơ quan có thẩm quyền trước khi cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

Điều 33. Phân loại phim

1. Phim được phân loại như sau:
 - a) Loại P: Phim được phép phổ biến đến mọi độ tuổi người xem;
 - b) Loại T18: Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 18 tuổi trở lên;
 - c) Loại T16: Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 16 tuổi trở lên;
 - d) Loại T13: Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 13 tuổi trở lên;
 - đ) Loại K: Phim được phổ biến đến người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ;
 - e) Loại C: Phim không được phép phổ biến.
2. Tiêu chí để phân loại phim theo độ tuổi do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Chương V

LƯU CHIẾU, LƯU TRỮ PHIM

Điều 34. Lưu chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh có phim được cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định phải nộp một bản lưu chiếu phim tại cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim. Đối với phim Việt Nam có sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp kịch bản và tài liệu kèm theo phim.
2. Thời hạn lưu chiếu:
 - a) Đối với phim Việt Nam: Mười hai tháng, kể từ ngày phim được cấp Giấy phép phân loại phim;
 - b) Đối với phim nhập khẩu: Theo thời hạn quy định trong Giấy phép phân loại phim.
3. Hết thời hạn lưu chiếu, cơ quan nhận lưu chiếu có trách nhiệm:

a) Đối với phim Việt Nam sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước: Chuyển bản phim lưu chiếu không khóa mã, kịch bản và tài liệu đi kèm cho cơ sở lưu trữ phim;

b) Đối với phim Việt Nam không sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước: Chuyển bản phim lưu chiếu cho cơ sở lưu trữ phim;

c) Đối với phim nhập khẩu: Trả lại bản phim lưu chiếu cho cơ sở nộp lưu chiếu.

Điều 35. Lưu trữ phim

1. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm lưu trữ phim Việt Nam đã được cấp Giấy phép phân loại phim.

2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có trách nhiệm lưu trữ phim của cơ quan mình.

3. Cơ sở lưu trữ phim thuộc bộ, ngành lưu trữ phim lưu hành nội bộ; cơ quan nghiên cứu khoa học lưu trữ phim của cơ quan mình.

Điều 36. Quyền và trách nhiệm của cơ sở lưu trữ phim

1. Lưu trữ, cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu cho chủ sở hữu phim và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động bảo quản, lưu trữ, phục hồi phim; khai thác phim theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.

3. Mua phim có giá trị trong nước và nước ngoài để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

4. Làm dịch vụ lưu trữ; bán, cho thuê, phổ biến phim lưu trữ theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.

5. Bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo đảm quyền tác giả, quyền liên quan đối với phim lưu trữ tại cơ sở.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phim

1. Được cơ sở lưu trữ phim bảo đảm an toàn bản phim và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

2. Được thỏa thuận với cơ sở lưu trữ phim trong trường hợp làm dịch vụ lưu trữ, bán, cho thuê, phổ biến phim.

3. Nộp lưu chiếu, lưu trữ phim theo quy định của Luật này.

4. Mở khóa mã bản phim Việt Nam khi lưu trữ tại cơ sở lưu trữ phim.

Chương VI

**QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH;
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH**

Mục 1

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 38. Nội dung quảng bá, xúc tiến điện ảnh

1. Quảng bá, giới thiệu về điện ảnh Việt Nam, đất nước, con người Việt Nam, môi trường hoạt động điện ảnh, hệ sinh thái sản xuất phim, bản sắc văn hóa Việt Nam nhằm giới thiệu điện ảnh Việt Nam và tăng cường thu hút du lịch.

2. Xây dựng, phát triển thương hiệu điện ảnh quốc gia, vùng, địa phương, doanh nghiệp; nghiên cứu thị trường điện ảnh, xây dựng, quảng bá điện ảnh phù hợp với thị hiếu của người xem.

3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về điện ảnh, góp phần bảo đảm môi trường hoạt động điện ảnh an toàn, lành mạnh và văn minh.

4. Vận động, tìm kiếm cơ hội, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật điện ảnh; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng tác phẩm điện ảnh.

Điều 39. Liên hoan phim Việt Nam, Liên hoan phim quốc tế Hà Nội; liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề; giải thưởng phim, cuộc thi phim; chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam

1. Liên hoan phim, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam bao gồm:

- a) Liên hoan Phim Việt Nam, Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội;
- b) Liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề;
- c) Giải thưởng phim, cuộc thi phim;
- d) Chương trình phim và tuần phim.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức liên hoan phim quốc gia bao gồm Liên hoan Phim Việt Nam và Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội theo định kỳ.

3. Bộ, Ban, ngành, các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, được tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim theo quy định sau:

- a) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức phải tự chịu trách nhiệm tổ chức;
- b) Phim phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng theo quy định của Luật này.

4. Các cơ quan, tổ chức Việt Nam khác khi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề; giải thưởng phim, cuộc thi phim; chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam phải liên kết với các cơ quan, tổ chức thuộc khoản 2 và 3 Điều này.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép tổ chức các liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim của các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tại Việt Nam.

a) Các cơ quan, tổ chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy phép tổ chức. Trường hợp không cấp phải có văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ phải điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, văn bản trả lời được tính từ ngày nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung hoặc thông tin đã được bổ sung.

b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim bao gồm:

- Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

- Đề án nêu rõ mục đích, ý nghĩa và tiêu chí; nội dung, cơ cấu tổ chức; kinh phí; phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện;

- Điều lệ nêu rõ đối tượng tham dự, cơ cấu giải thưởng và thành phần ban giám khảo.

c) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức chương trình phim và tuần phim bao gồm:

- Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

- Danh mục phim tham gia chương trình phim, tuần phim;

- Bản sao Giấy phép phân loại phim.

Điều 40. Tổ chức Chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài

1. Chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài do các đối tượng sau được tổ chức thực hiện:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Cơ quan, tổ chức khác được thực hiện chương trình phim, tuần phim Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài do các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình phim, tuần phim Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại hoặc địa bàn kiêm nhiệm về nội dung, kế hoạch tổ chức ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày tổ chức;

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam ở nước ngoài và thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp phát hiện thấy nội dung không phù hợp.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

Điều 41. Phim tham gia liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim nước ngoài

1. Phim chỉ được tham gia liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài khi có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng theo quy định tại Điều 21 và Điều 28 Luật này.

Trường hợp phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam chưa có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phân loại phim.

2. Trường hợp thể lệ liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh quốc tế quy định phim tham gia phải là đại diện quốc gia thì phim Việt Nam gửi tham gia phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tuyển chọn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 42. Thu hút tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam

1. Tổ chức nước ngoài làm phim sử dụng bối cảnh quay tại Việt Nam, các dịch vụ sản xuất phim do tổ chức của Việt Nam cung cấp được ưu đãi về thuế bao gồm giảm thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế dựa trên chi phí của đoàn làm phim tại Việt Nam.

2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định cụ thể khoản 1 Điều này.

Mục 2

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 43. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ, được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với có nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước; có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 44. Mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Hỗ trợ cho dự án sản xuất phim thể nghiệm, phim đầu tay, phim của tác giả trẻ.

2. Hỗ trợ cho tác giả, dự án, phim Việt Nam xuất sắc tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, hội chợ phim, chương trình phim, tuần phim tại nước ngoài.

3. Cho vay để thực hiện dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ hiện đại trong hoạt động điện ảnh.

4. Hỗ trợ các không gian sáng tạo về điện ảnh.

5. Hỗ trợ các hoạt động khác để phát triển nghệ thuật điện ảnh đương đại.

Điều 45. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Không vì mục đích lợi nhuận; bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý.

2. Thực hiện thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản và công tác kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp điện ảnh. Quỹ không hỗ trợ các dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước.

5. Số dư kinh phí năm trước của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 46. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điện ảnh; chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện ảnh;
 - b) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển điện ảnh, định hướng phát triển cơ sở điện ảnh trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao;
 - c) Xây dựng cơ chế, chính sách về điện ảnh; tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động điện ảnh;
 - d) Kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện phân loại phim theo quy định tại Điều 33 Luật này;
 - đ) Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh;
 - e) Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh; hoạt động xúc tiến, quảng bá điện ảnh ở trong nước và nước ngoài;
 - g) Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học; ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động điện ảnh;
 - h) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh;
 - i) Thực hiện công tác khen thưởng trong hoạt động điện ảnh; tuyên chọn và trao giải thưởng đối với cá nhân và tác phẩm điện ảnh;
 - k) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh.

Điều 47. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực điện ảnh; huy động nguồn lực, thu hút đầu tư phát triển điện ảnh; lồng ghép các nội dung liên quan đến phát triển điện ảnh trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bộ Tài chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh; bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện hoạt động sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh và các hoạt động điện ảnh khác.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách, quy định và thực hiện các biện pháp, công cụ, chế tài bảo đảm quản lý việc phổ biến phim trên truyền hình, không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn khác; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, xử lý việc tự phân loại phim phổ biến trên không gian mạng.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan quản lý tổ chức và hoạt động điện ảnh trong lực lượng vũ trang, thanh tra, kiểm tra và xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật này.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan nhà nước có liên quan quản lý công tác đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh, khuyến khích phổ biến phim trong các cơ sở đào tạo, xây dựng môn học nghệ thuật trong đó có điện ảnh thuộc chương trình giáo dục phổ thông.

Điều 48. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh tại địa phương cụ thể hóa chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển điện ảnh phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh tại địa phương;

b) Đầu tư phát triển hệ thống điện ảnh cấp tỉnh; xây dựng, kiện toàn và củng cố hệ thống phát hành và phổ biến phim trên địa bàn;

c) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường tại các địa điểm tổ chức sản xuất, phát hành và phổ biến phim;

d) Giám sát việc thực hiện dự án sản xuất phim của cơ sở cung cấp dịch vụ Việt Nam cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại địa phương theo văn bản thông báo kết quả thẩm định kịch bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

đ) Tiếp nhận thông báo và trả lời thông báo đối với việc phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép phổ biến phim được cấp theo quy định của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 có giá trị tương đương với Giấy phép phân loại phim được cấp theo quy định của Luật này.

2. Phim đã được cấp Giấy phép phổ biến phim hoặc Quyết định phát sóng chưa thực hiện cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì trong thời hạn 1 năm kể từ ngày quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có hiệu lực phải bổ sung cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem theo quy định.

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ